

Số: **09** /QĐ-UBND

Lương Bằng, ngày **10** tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LƯƠNG BẰNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn về dự toán ngân sách địa phương năm 2024 và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4999/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của HĐND xã Lương Bằng về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp xã năm 2024;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp xã năm 2024 của ủy ban nhân dân xã Lương Bằng, như sau: Biểu chi tiết kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Hình thức công khai: Cổng thông tin điện tử xã Lương Bằng; gửi trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị tại biểu 108,109,110,111

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã; Công chức Tài chính - Kế toán xã; Các ban, ngành đoàn thể, các tổ chức hội cấp xã, cấp thôn; cán bộ, công chức xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- UBND huyện Chợ Đồn(b/c);
- Phòng TC-KH huyện Chợ Đồn(b/c);
- TTĐU, HĐND(b/c);
- Trưởng các ban ngành đoàn thể xã(b/c);
- Cán bộ, công chức xã;

*Gửi bản giấy:*

- Lưu VP, KT UBND xã;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Ma Thế Quốc**

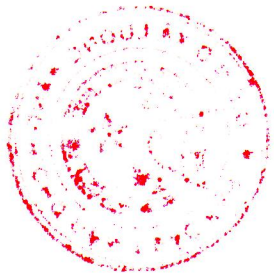
**CÁN ĐỘI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>10.691.080.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>10.691.080.000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	61.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	3.342.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		II. Chi thường xuyên	7.237.780.000
III. Thu bổ sung	10.630.080.000	III. Dự phòng	111.300.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.507.324.000		
- Bổ sung có mục tiêu	5.122.756.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



Handwritten text in a non-Latin script, likely Arabic or Persian, located at the bottom left of the page. The text is faint and partially obscured by a red stamp.

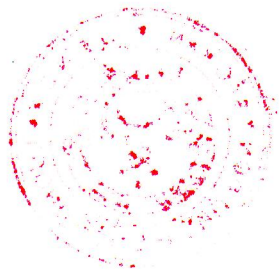
**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**

(Dự toán đã được Hội đồng Nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	I	2
I	Tổng số thu	10.691.080.000	10.691.080.000
I	Các khoản thu 100%	38.900.000	38.900.000
1	Phí, lệ phí	35.000.000	35.000.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
3	Thu từ quỹ đất công ích		
4	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
5	Thu phạt, tích thu khác theo quy định		
6	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
7	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
8	Đóng góp từ nguyên của các tổ chức, cá nhân		
9	Thu khác	3.900.000	3.900.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	22.100.000	22.100.000
1	Các khoản thu phân chia	400.000	400.000
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.700.000	5.700.000
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
21	Thu tiền sử dụng đất		
22	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước		
23	Thuế tài nguyên		
24	Thuế giá trị gia tăng	16.000.000	16.000.000
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
26	Thuế thu nhập cá nhân	0	0
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10.630.080.000	10.630.080.000
1	Thu bổ sung cân đối	5.507.324.000	5.507.324.000
2	Bổ sung có MT thực hiện nhiệm vụ	5.122.756.000	5.122.756.000
3	Thu bổ sung có mục tiêu thực hiện CT phát triển LNBV		0
4	Thu bổ sung có mục tiêu thực hiện CT MTQG		0



**DỰ TOÀN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**

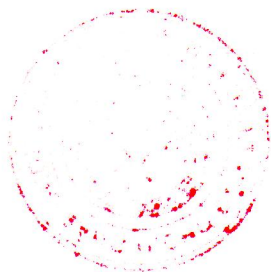
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÀN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	<b>TỔNG CHI</b>	0	0	10.691.080.000
1	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			22.000.000
2	Hoạt động văn hóa, thông tin; Thể dục TT			20.000.000
3	Sự nghiệp Truyền thanh			18.000.000
4	Hoạt động kinh tế			67.210.000
5	Chi hoạt động quản lý nhà nước			2.898.825.934
6	Kinh phí của Đảng ủy			769.199.286
7	Kinh phí Mặt trận tổ quốc			471.283.000
8	Kinh phí Hội liên hiệp phụ nữ			137.740.300
9	Kinh phí Đoàn thanh niên			165.863.000
10	Kinh phí Hội nông dân			130.253.200
11	Kinh phí Hội cựu chiến binh			185.052.400
12	Các tổ chức chính trị xã hội ( Hội NCT, Hội CTĐ; Hội KH)			73.440.000
13	Đảm bảo xã hội - hưu xã			78.708.000
14	Quốc phòng			419.448.880
	<b>Tổng chi thường xuyên</b>			<b>5.457.024.000</b>
15	Dự phòng ngân sách			111.300.000
16	<b>Chi CT MTQG</b>			<b>5.122.756.000</b>
-	Vốn SN			1.345.756.000
-	Vốn Đầu tư			3.777.000.000

Small, faint red markings or text, possibly a stamp or signature, located in the upper left quadrant of the page.







**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024**  
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Tên công trình	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị thanh toán đến 31/12/2023	Tổng	Dự toán năm 2023		Chú đầu tư/ đơn vị thực hiện
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Trong đó thanh toán năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	
<b>1. Công trình chuyển tiếp</b>									
Dường trục thôn Bản Diều - Bó Lường	2023-2024	1.216.158.285			762.000.000	738.000.000	705.000.000	33.000.000	UBND xã Lương Bằng
Nhà văn hóa và trung tâm thể thao xã Lương Bằng	2022 - 2025	2.500.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	UBND xã Lương Bằng
Nâng cấp chợ xã Lương Bằng	2022-2024				435.000.000	435.000.000		435.000.000	BQLDA DTXD huyện
<b>2. Công trình khởi công mới</b>									
Nhà ở	2022-2024				1.604.000.000	0	569.000.000	1.035.000.000	UBND xã Lương Bằng
Nhà văn hóa + sân thể thao thôn Khôn Hên	2022-2024	472.597.049			472.000.000	472.000.000	449.000.000	23.000.000	UBND xã Lương Bằng
Nhà văn hóa thôn Bản Mòn, xã Lương Bằng	2022-2024	499.586.691			334.000.000	334.000.000		334.000.000	UBND xã Lương Bằng
Nhà văn hóa thôn Búc Dượng, xã Lương Bằng	2022-2024	499.252.406			333.000.000	333.000.000		333.000.000	UBND xã Lương Bằng
Nhà văn hóa thôn Nà Mương, xã Lương Bằng	2022-2024	499.747.751			333.000.000	333.000.000		333.000.000	UBND xã Lương Bằng
<b>Tổng số</b>					<b>0</b>	<b>3.342.000.000</b>	<b>1.274.000.000</b>	<b>2.503.000.000</b>	
						<b>1.738.000.000</b>	<b>705.000.000</b>	<b>1.468.000.000</b>	

